

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/9/2025

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Phôi**

2. Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Nguyễn Như Dzoãn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị B**, sinh năm 1983; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số S, ấp B1, xã V, thành phố B2

Địa chỉ hiện nay: Ấp B1, phường H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ Hiện nay: Xã L1, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 12/6/2025 nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày: Chị Ngô Thị B và anh Trần Văn T do quen biết xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1997, có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên đã chính thức ly thân từ năm 2008 đến nay.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1998 và Trần Thị Ngọc T2, sinh ngày 31/3/2007, hiện các con chung đã trưởng thành, lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Ngô Thị B yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn anh Trần Văn T cư trú: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L1, tỉnh Đồng Tháp). Do đó, tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Trần Văn T nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày, chị và anh Trần Văn T do quen biết xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1997, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2003 vào ngày 04/6/2003, sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên đã chính thức ly thân từ năm 2008 đến nay. Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh T nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị B và anh T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân đến nay đã lâu và từ khi ly thân đến nay chị B, anh T không còn quan tâm nhau nữa, tình cảm vợ chồng thật sự không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Thị B được ly hôn với anh Trần Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1998 và Trần Thị Ngọc T2, sinh ngày 31/3/2007, hiện các con chung đã trưởng thành, lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Dương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ngô Thị B được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003494 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên không phải nộp tiếp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc